

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **469/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2020.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “*tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thanh K**, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: số 25/5, hẻm 1, NT, phường VQ, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: số 35/4, TT, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp BD, xã S, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh K trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh N do mai mối rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 cấp ngày 06/11/2018. Thời gian chung sống được 02 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hay cãi vã. Anh N và gia đình chồng có lời lẽ xúc phạm đến chị và gia đình chị. Vì không chịu được nên chị K đã về quê ở Kiên Giang sinh sống thì chị phát hiện có thai ngoài tử cung, phải nhập viện mổ, từ khi nằm viện đến khi xuất viện, anh N và gia đình bên chồng không ai quan tâm, đến hỏi thăm. Từ đó đến nay đã gần 02 năm, giữa chị và anh N đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt không đến tham dự phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên không tiến hành hoà giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh thì được biết anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện đi làm xa, lâu lâu mới về thăm nhà, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị K thì địa phương không rõ. Còn bà Lê Thị A là mẹ ruột anh N cho biết: Anh N và chị K cưới nhau được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không sống chung từ đó đến nay.

*\* Tại phiên tòa:*

- Chị K vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh N, về con chung, tài sản chung, nợ chung, chị K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị K và anh N tự nguyện kết hôn năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S nên công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống được hai tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, không hợp nhau, anh N và gia đình có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình, không quan tâm đến chị K. Quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị K được ly hôn với anh N; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

##### **[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:**

Chị Nguyễn Thanh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Anh N có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn*" và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị K có mặt, anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị K và anh N tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2018 và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, từ khi kết hôn, chung sống với nhau được 02 tháng thì chị K và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Chị K nằm viện anh N không quan tâm, chăm sóc, mà còn có lời lẽ xúc phạm đến chị K và gia đình. Anh chị cũng đã sống ly thân gần hai năm. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt, không tham gia hòa giải, cho thấy anh đã tự từ bỏ quyền lợi của mình và không muốn tạo điều kiện hàn gắn lại với chị N. Hơn nữa, qua xác minh được biết, anh N và chị K cưới nhau được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau đến nay.

Từ những cơ sở trên, cho thấy hôn nhân giữa chị K và anh N đã vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn với anh N.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Chị K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:** Do chị K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh K.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thanh K được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 06/11/2018 cho chị Nguyễn Thanh K và anh Nguyễn Văn N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị K đã nộp theo biên lai thu số

TU/2017/0006550 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên chị K không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Dương Thùy Dung**